

Số: /QĐ- SNV

Bắc Kạn, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Quyết định số: 17/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập tự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 418 /QĐ-SNV ngày 05/11/2021 của Sở Nội vụ về tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án và phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu: VT, TCBC&CCHC (Thuần).

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hội

PHƯƠNG ÁN

**Điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2021 của các sở, ban, ngành
và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Điều tra nhằm thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021, theo quy định tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Yêu cầu

Điều tra xã hội học phải đảm bảo khách quan, khoa học, đúng đối tượng, phù hợp với điều kiện thực tế.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ĐIỀU TRA

1. Đối tượng

a. Đối tượng điều tra để xác định Chỉ số CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Công chức các sở, ban, ngành tỉnh (gồm 19 Sở, ngành);
- Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện.

b. Đối tượng điều tra xác định chỉ số CCHC cấp huyện, thành phố:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực và các trưởng Ban Hội đồng nhân dân huyện;
- Lãnh đạo, công chức UBND các xã, phường, thị trấn;
- Người dân;

- Đại diện Doanh nghiệp.

2. Thời gian điều tra: Quý IV năm 2021.

III. PHẠM VI VÀ MẪU ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra:

- Điều tra xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 tại 19 sở, ban, ngành; 08 huyện, thành phố.

- Tổng số phiếu điều tra là 1.034 phiếu, cụ thể:

a. Đánh giá Chỉ số các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Đánh giá Chỉ số CCHC cho các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (*theo mẫu phiếu 01*) gồm 11 câu hỏi với số lượng phiếu là 20 phiếu/20 đại biểu.

- Công chức các sở, ngành thuộc tỉnh (*theo mẫu phiếu 02*) gồm 14 câu hỏi với số lượng phiếu là 38 phiếu (mỗi đơn vị lấy 02 phiếu x 19 sở, ngành = 38 phiếu)

- Lãnh đạo các phòng, ban cấp huyện (*theo mẫu phiếu 03*) gồm 21 câu hỏi với số lượng phiếu đánh giá cho 18 sở, ban, ngành (trừ Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh) là 288 phiếu, (lãnh đạo các phòng, ban cấp huyện sẽ đánh giá công tác cải cách hành chính cho các sở, ban, ngành chủ quản, cụ thể: 02 phiếu X 18 Sở, ngành x 08 huyện, thành phố = 288 phiếu)

b. Đánh giá Chỉ số của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Đánh giá Chỉ số CCHC cho các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (*theo mẫu phiếu 01*) gồm 11 câu hỏi với số lượng phiếu là 20 phiếu/ 20 đại biểu.

- Thường trực HĐND và Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện, gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Văn hóa (*theo mẫu phiếu 06*) gồm 14 câu hỏi với số lượng phiếu là 56 phiếu. (03 phiếu TT HĐND, 4 phiếu Trưởng ban HĐND/ huyện x 8 huyện, TP = 56 phiếu).

- Lãnh đạo, công chức cấp xã (*theo mẫu số 07*) gồm 16 câu hỏi với số lượng phiếu là 72 phiếu (mỗi xã lấy 03 phiếu, gồm 02 lãnh đạo, 01 công chức; mỗi huyện lấy 3 xã, cụ thể: 9 phiếu/ huyện x 8 huyện, thành phố = 72 phiếu).

- Người dân (*theo mẫu phiếu 04*) gồm 15 câu hỏi với số lượng phiếu là 480 phiếu (chọn người dân trong 03 xã của một huyện để trả lời phiếu, mỗi xã lấy lấy 20 phiếu, cụ thể: 60 phiếu/ huyện x 8 huyện, thành phố = 480 phiếu).

- Đại diện doanh nghiệp (theo mẫu phiếu 05) gồm 12 câu hỏi với số lượng phiếu là 80 phiếu (mỗi huyện chọn 10 doanh nghiệp để trả lời phiếu, nếu huyện nào không lấy đủ ý kiến của doanh nghiệp trên địa bàn huyện thì lấy bổ sung doanh nghiệp ở thành phố Bắc Kạn).

Mỗi huyện, thành phố lựa chọn 3 xã, phường để điều tra. Các xã, phường có trình độ phát triển thuộc loại kém, trung bình, tốt. Tại mỗi huyện, thành phố chọn 60 người dân tại 03 xã, phường để điều tra (chỉ chọn những người dân biết đọc, biết viết).

2. Mẫu phiếu điều tra:

Mẫu phiếu, nội dung số câu hỏi các mẫu phiếu, đảm bảo khoa học, phù hợp với các đối tượng được hỏi, dựa trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

IV. NỘI DUNG ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Nội dung điều tra

Điều tra theo bộ câu hỏi dành cho từng nhóm đối tượng phù hợp theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Cụ thể như sau:

a. Đối với các sở, ngành:

- Đánh giá tác động đến chỉ đạo điều hành CCHC của sở, ban, ngành

+ Tính đầy đủ kịp thời của các văn bản, chỉ đạo, điều hành CCHC của sở;

+ Chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của sở;

+ Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện CCHC của sở;

+ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Sở.

- Đánh giá tác động đến việc thực hiện thể chế thuộc phạm vi của các sở, ban, ngành

+ Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành;

+ Tính khả thi của VBQPPL (Sự phù hợp giữa quy định của văn bản với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh);

+ Tính hiệu quả của VBQPPL (Đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội hoặc khắc phục được những mặt tồn tại, hạn chế của tỉnh);

+ Tính kịp thời trong tổ chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.

- Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính (TTHC)

+ Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành;

+ Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.

- Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính

+ Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của sở và các đơn vị trực thuộc;

+ Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của sở, ngành.

- Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức

+ Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức thuộc sở;

+ Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của đội ngũ công chức, viên chức của sở;

+ Thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của sở;

+ Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của đội ngũ công chức, viên chức của sở.

- Tác động đến quản lý tài chính công

+ Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của sở, ngành.

- Tác động đến hiện đại hóa hành chính

+ Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, ngành;

+ Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của sở, ngành;

+ Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, ngành;

+ Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng trong khối cơ quan của sở, ngành.

- Tác động đến việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- + Nơi tiếp đón tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- + Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- + Chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC của sở, ngành.

b. Đánh giá đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Đánh giá tác động đến chỉ đạo điều hành CCHC của UBND cấp huyện

- + Tính đầy đủ kịp thời của các văn bản, chỉ đạo, điều hành CCHC;
- + Chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC;
- + Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện CCHC của UBND cấp huyện;
- + Kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của UBND cấp huyện;
- + Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân tổ chức.

- Đánh giá tác động đến việc thực hiện thể chế thuộc phạm vi của UBND cấp huyện

- + Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện;
- + Tính khả thi của VBQPPL (sự phù hợp giữa quy định của văn bản với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh);
- + Tính hiệu quả của VBQPPL (Đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội hoặc khắc phục được những mặt tồn tại, hạn chế của tỉnh);
- + Tính kịp thời trong tổ chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện.

- Tác động đến chất lượng quy định TTHC

- + Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện;
- + Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện.

- Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính

- + Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của UBND cấp huyện;
- + Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện.

- Tác động đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- + Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện;

- + Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND cấp huyện;
- + Thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện;
- + Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức;
- + Năng lực chuyên môn của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương;
- + Kết quả khám chữa bệnh của các cơ sở y tế tại địa phương;
- + Thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương;
- + Các hiện tượng tiêu cực ở các cơ sở khám chữa bệnh tại địa phương;
- + Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên tại địa phương;
- + Chất lượng dạy và học của các trường phổ thông tại địa phương;
- + Các hiện tượng tiêu cực ở các trường phổ thông tại địa phương.

- Tác động đến quản lý tài chính công

- + Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện.

- Tác động đến hiện đại hóa hành chính

- + Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương;
- + Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của địa phương;
- + Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương;
- + Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng trong khối cơ quan của địa phương.

- Tác động đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- + Nơi tiếp đón tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- + Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- + Chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC của địa phương;

(Các câu hỏi điều tra ngoài những nội dung trên, có thể thêm một số nội dung khác để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, khảo sát chứ không phục vụ để chấm điểm)

2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra xã hội học thu thập, thông tin phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2019 được chia thành 02 hình thức: Điều tra qua phần mềm và điều tra qua phát phiếu trực tiếp, cụ thể như sau:

2.1. Đối tượng điều tra xã hội học qua phần mềm

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND);
- Công chức các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- Thường trực HĐND và các trưởng ban Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Công chức các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- Lãnh đạo, công chức Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2.2. Đối tượng điều tra xã hội học phát phiếu trực tiếp

- Người dân;
- Đại diện Doanh nghiệp.

Phòng cải cách hành chính và quản lý văn thư, lưu trữ sẽ phối hợp với Phòng Nội vụ các huyện, thành phố tiến hành điều tra trực tiếp đối tượng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm 08 huyện, thành phố.

V. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị điều tra

- Quyết định tổ chức điều tra;
- Lập kế hoạch sử dụng kinh phí điều tra;
- Lập phương án điều tra;
- Xây dựng mẫu phiếu điều tra (gồm 07 mẫu phiếu);
- Tổ chức họp xem xét phương án, nghiệm thu phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra;
- Lập danh sách người đi điều tra và phối hợp điều tra tại các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, các xã phường, thị trấn;
- Ban hành văn bản gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố về việc phối hợp tổ chức điều tra.

2. Tổ chức điều tra

- Điều tra tại 19 sở, ngành; Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Điều tra tại các huyện, thành phố:
 - + Huyện Bạch Thông gồm: TT Phủ Thông, xã Vi Hương, Lục Bình;

- + Huyện Chợ Mới gồm: TT Đồng Tâm, xã Thanh Mai, Mai Lạp;
- + Huyện Chợ Đồn gồm: TT Bằng Lũng, xã Đồng Lạc, Nam Cường;
- + Huyện Ngân Sơn gồm: TT Nà Phặc, xã Trung Hòa, Hiệp Lực;
- + Huyện Ba Bể gồm: TT Chợ Rã, xã Khang Ninh, Bành Trạch;
- + Huyện Na Rì gồm các xã: TT Yên Lạc, xã Quang Phong, Đồng Xã;
- + Huyện Pác Nặm gồm các xã: Bộc Bó, Giáo Hiệu, Nhạn Môn;
- + Thành phố Bắc Kạn gồm các phường: Đức Xuân, Xuất Hóa, Nông Thương.

3. Nhập phiếu và viết báo cáo kết quả điều tra

- Sau khi kết thúc điều tra tại các đơn vị, Phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính, Sở Nội vụ tiến hành nhập số liệu phân tích, xử lý, tổng hợp kết quả;

- Xử lý số liệu, tổng hợp kết quả điều tra;

- Kết quả điều tra xã hội học làm căn cứ xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính

- Xây dựng các mẫu phiếu điều tra phù hợp với từng đối tượng được điều tra.

- Tổ chức điều tra và trực tiếp đi điều tra xã hội học tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Xử lý số liệu và trình công bố kết quả điều tra (kết quả điều tra sẽ được tổng hợp, kết hợp với kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị để xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021).

2. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Cử 02 công chức (01 lãnh đạo phòng, 01 chuyên viên) để cung cấp thông tin vào phiếu điều tra trên “*Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn*”.

- Cử công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị để phối hợp điều tra.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn công chức được trả lời phiếu điều tra trên “*Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn*”, rà soát kiểm tra thông tin số phiếu đã được nhập của đơn vị mình theo đúng số lượng và thời gian quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tuyên truyền, phổ biến đến người dân, tổ chức đóng trên địa bàn về nội dung, ý nghĩa của cuộc điều tra.

- Cử công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của Phòng Nội vụ đề hướng dẫn các đối tượng được trả lời phiếu điều tra trên “**Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn**”, rà soát kiểm tra thông tin số phiếu đã được nhập của đơn vị mình theo đúng số lượng và thời gian quy định.

- Chỉ đạo hướng dẫn công chức UBND các xã, phường, thị trấn trả lời phiếu điều tra trên “**Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn**”. Cử 01 công chức phối hợp với Sở Nội vụ điều tra trực tiếp đối tượng là người dân, doanh nghiệp tại địa phương.

- Lập danh sách các đối tượng cung cấp thông tin trả lời phiếu điều tra trên “Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn”. Cụ thể:

+ Thường trực HĐND và trưởng các ban HĐND huyện, thành phố (gồm Chủ tịch và 02 Phó chủ tịch HĐND trưởng các Ban: Kinh tế - Ngân sách, pháp chế, Văn hóa, Dân tộc gồm 07 người/huyện;

+ Lãnh đạo các phòng để đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp Sở: Lãnh đạo phòng (02 lãnh đạo) X 13 phòng/huyện;

+ Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn: 03 người/xã (02 lãnh đạo, 01 công chức) X 03 xã;

- Lập danh sách các đối tượng cung cấp thông tin vào phiếu điều tra. Cụ thể:

+ Danh sách 10 doanh nghiệp (đang hoạt động) đóng trên địa bàn huyện để điều tra;

+ Người dân tại 03 xã được chọn mẫu.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp đóng trên địa bàn về nội dung, ý nghĩa của cuộc điều tra.

- Phối hợp điều tra nếu cần thiết.

VII. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện việc điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn, từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Sở Nội vụ.

2. Giao Phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính phối hợp với bộ phận kế toán Văn phòng Sở lập dự toán chi tiền công cho công chức trực tiếp đi điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 theo quy định tại điểm c, Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính;

tiền công tác phí đối với các công chức trực tiếp đi điều tra theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của cơ quan; xây dựng báo cáo xử lý số liệu kết quả điều tra XHH xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán theo quy định hiện hành./.
